

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Vũ Thị An

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1, Bà Nguyễn Thị Bích Hương  
2, Bà Đàm Thị Thanh Mai

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm VH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn A, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHTT: Xóm VH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 11/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn A kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm VH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng suốt một thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng trở nên nhàm chán. Tới năm 2015, chị A bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Khang T, sinh ngày 13/11/2007; Hoàng Anh K, sinh ngày 9/11/2012. Hiện con chung đang ở với bố. Vợ chồng anh đã thỏa thuận, khi hai vợ chồng ly hôn anh sẽ là người trực tiếp nuôi 02 con chung Hoàng Khang T và Hoàng Anh K. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại các biên bản xác minh của Tòa án tại gia đình chị A, bà Nguyễn Thị Q- mẹ đẻ của chị A cho biết: Bà là mẹ đẻ của chị A. Vợ chồng chị A, anh L kết hôn năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau kết hôn vợ chồng anh L chị A chung sống với nhau tại xóm VH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu bà được biết vợ chồng sống vui vẻ nhưng không hiểu lý do gì mà từ năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị A về nhà mẹ đẻ rồi đi làm ăn, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Khi anh L có đơn xin ly hôn gửi Tòa án, chị A đã biết và không có ý định níu kéo cuộc hôn nhân nữa. Bà đã gửi đầy đủ các văn bản của Tòa án cho chị A biết. Tuy nhiên chị A có nói lại với bà là chị bận đi làm, không có thời gian để đến Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chị không có thắc mắc gì. Về con chung, trước mắt, chị nhất trí nhường quyền nuôi hai con cho anh L.

Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 18/5/2020, cháu Hoàng Khang T và cháu Hoàng Anh K đều xác định các cháu đang ở với bố, cuộc sống của các cháu vẫn được sinh hoạt đầy đủ về mọi mặt. Mẹ đang đi làm xa, không ở nhà, thỉnh thoảng mới về. Nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của hai cháu là muốn được ở với bố vì hiện nay mẹ cháu đi làm xa, ít ở nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Hoàng Văn L, cho anh L được ly hôn chị A.

Về con chung: Giao 02 con chung Hoàng Khang T và Hoàng Anh K cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị A vì anh L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

### [1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm VH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, hiện cư trú tại xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn A đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị A vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, chị A vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn A.

### [2] Về nội dung:

Anh Hoàng Văn L và chị Nguyễn A kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản xác minh của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, anh L và chị A đã chung sống hạnh phúc trong những năm đầu, đến năm 2015, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì lý do bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Một thời gian sau chị A đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Hai vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

Trong trường hợp này, anh L và chị A thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Mặt khác, chị A đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình nhưng chị không có ý kiến gì thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của anh L và chị A đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có căn

cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L, cho anh L được ly hôn chị A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Anh L và chị A có 02 con chung là Hoàng Khang T, sinh ngày 13/11/2007 và Hoàng Anh K, sinh ngày 09/11/2012. Hiện cháu T và cháu K đang ở cùng với bố. Anh L có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ lời khai của anh L, lời trình bày nguyện vọng của cháu T, cháu K, biên bản xác minh của Tòa án qua thân nhân của chị A chị cũng nhất trí nhường quyền nuôi 02 con chung cho anh L. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh L về việc được nuôi 02 con chung, giao 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A vì anh L không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị A vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn L đối với chị Nguyễn A.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Hoàng Văn L được ly hôn chị Nguyễn A.

**2. Về con chung:** Anh L và chị Anh có 02 con chung là Hoàng Khang T, sinh ngày 13/11/2007 và Hoàng Anh K, sinh ngày 09/11/2012. Giao 02 con Hoàng Khang T, Hoàng Anh K cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A vì anh L không yêu cầu. Chị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không giải quyết.

**4. Án phí:** Anh Hoàng Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016640 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã HT;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*ĐÃ KÝ*

**Vũ Thị An**

